TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đời**

Ông **Nguyễn Kim Thành**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Hương Trà** - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Vân Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 68/TB-TA ngày 23/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T–** Sinh năm: 1984 – Trú tại: K31/6 đường Y, tổ 13 phường T, quận S, TP Đà Nẵng*; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh P** - Sinh năm: 1971 – Trú tại: K31/6 đường Y, tổ 13 phường T, quận S, TP Đà Nẵng*; (Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại địa chỉ: Tiểu khu 8, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đến năm 2016 thì chuyển về sinh sống tại nhà mẹ ruột bà T ở địa chỉ: K31/6 đường Yết Kiêu, tổ 13 phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Phương bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập bà T vô cớ dẫn đến nhiều lần bà T phải nhờ cơ quan Công an can thiệp. Bà đã khuyên nhủ và tha thứ ông Phương nhiều lần nhưng ông Phương vẫn không thay đổi. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông Nguyễn Minh P không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh P.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định bà và ông Nguyễn Minh P có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Hoàng Gia T, sinh ngày: 04/10/2007 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 02/12/2009. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông Phương cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định không có.

***** Đối với bị đơn – ông Nguyễn Minh P: mặc dù đã được Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa nhưng ông

Nguyễn Minh P đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Nguyễn Minh P không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Minh P.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là: Nguyễn Minh Hoàng Gia T, sinh ngày: 04/102007 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 02/12/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Buộc ông Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng không có. Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh P vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/9/2021. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn. Ông Nguyễn Minh P là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Minh P vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, Hội đồng xét xử căn cứ điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] **Về nội dung:** Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh P đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số: 58, quyển số: 11/2007 cấp ngày 14/6/2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại địa chỉ: Tiểu khu 8, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đến năm 2016 thì chuyển về sinh sống tại nhà mẹ ruột bà T ở địa chỉ: K31/6 đường Yết Kiêu, tổ 13 phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Phương bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập bà T vô cớ dẫn đến nhiều lần bà T phải nhờ cơ quan Công an can thiệp. Mặc dù bà đã tha thứ và khuyên nhủ ông Phương nhiều lần nhưng ông Phương vẫn không thay đổi. Nay bà Nguyễn Thị Thu T xác định không còn yêu thương ông Nguyễn Minh P nữa, bà xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Minh P thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh P lại không làm được điều này. Khi

mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện giữa bà T và ông Phương có mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vả, xô xát với nhau. Về phía ông Nguyễn Minh P, hiện không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Nguyễn Minh P đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Minh P là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định bà và ông Nguyễn Minh P có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Hoàng Gia T, sinh ngày: 04/102007 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 02/12/2009. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông Phương cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

Xét yêu cầu của bà T về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà T là người trực tiếp nuôi cả hai con chung, môi trường sống và việc học tập của các con đã ổn định. Về phía ông Phương hiện tại không có mặt tại địa phương nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, HĐXX nhận thấy việc giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải

căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung. Trong quá trình tố tụng, bà T yêu cầu ông Phương cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/ con/tháng). HĐXX xét thấy phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng bà tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng bà không có. Ông Nguyễn Minh P vắng mặt nên không ghi nhận được kiến của ông về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Nguyễn Minh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn* " của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Minh P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Minh P.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Minh P nên giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 11/2007 do UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Minh P ngày 14/6/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là: Nguyễn Minh Hoàng Gia T, sinh ngày: 04/102007 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 02/12/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Buộc ông Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2021, vào ngày 10 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp tại biên lai thu số 0006720 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Minh P phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *UBND phường N, thành phố Đ, Tỉnh Quảng Bình;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm